

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 150/2019/DS-ST
Ngày 30 – 9 – 2019
V/v tranh chấp nghĩa vụ thanh toán
Hợp đồng dịch vụ bảo vệ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha;

Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2019/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 610/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp Nghĩa vụ thanh toán Hợp đồng dịch vụ bảo vệ giữa:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ L

Địa chỉ: Số 15, đường D, phường 15, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị H, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P, chức vụ: Trưởng phòng đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ L tại Cà Mau. Địa chỉ: khóm 1, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Theo văn bản ủy quyền số 01/GUQ, ngày 21/4/2019 (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Bảo H – sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Lý Văn L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 04/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như ý kiến bổ sung tại phiên tòa của đại diện nguyên đơn trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ L (sau đây gọi tắt là Công ty) và ông Nguyễn Bảo H có ký Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 06A/DVBV/2017, ngày 02/6/2017 và Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 01/DVBV/2018, ngày 01/01/2018. Tại hợp đồng giữa Công ty và ông H thỏa thuận Công ty có trách nhiệm cử 01 nhân viên bảo vệ để bảo vệ cho Quán B, phí bảo vệ 15.000đ/giờ, thời gian thanh toán hàng tháng, từ ngày 03 đến ngày 05 hàng tháng. Tính đến 30/4/2018, ông H còn nợ Công ty số tiền phí bảo vệ của

tháng 01/2018 đến 04/2018 là 04 tháng bằng 10.080.000đ, Công ty yêu cầu ông H thanh toán số tiền này.

Tại bản tự khai ngày 23/9/2019, ông Nguyễn Bảo H xác định hiện nay ông H nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ Long H 10.080.000đ, đây là nợ riêng ông, ông là người có trách nhiệm thanh toán số tiền này và thừa nhận trách nhiệm thanh toán cho Công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ Long H là nguyên đơn và ông Nguyễn Bảo H là bị đơn có ký hợp đồng dịch vụ bảo vệ, các bên đã thực hiện hợp đồng này không có tranh chấp. Tuy nhiên, ông H chưa thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, Công ty và ông H đã có văn bản đối chiếu thống nhất đến ngày 30/4/2018 ông H còn nợ Công ty phí bảo vệ của 04 tháng và Công ty yêu cầu ông H thanh toán số tiền 10.080.000đ. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng dịch vụ bảo vệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, đúng quy định tại điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với ông Nguyễn Bảo H Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng để thông báo nội dung nguyên đơn khởi kiện cũng như để triệu tập ông H đến Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên họp hòa giải đến lần thứ hai, triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông H vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án là đúng quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bà Vu Thị T là người ký tên trong hợp đồng dịch vụ bảo vệ năm 2018, nhưng nội dung Hợp đồng thể hiện Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ Long H ký kết với ông Nguyễn Bảo H. Bà T cho rằng bà ký thay cho ông H khi ông H vắng nhà, trách nhiệm thanh toán nợ là của ông H. Công ty yêu cầu ông H thanh toán, không yêu cầu đối với bà T, ông H xác định bà T không có nghĩa vụ thanh toán nợ, ông có trách nhiệm thanh toán cho Công ty theo biên bản kết nợ. Bà T không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Do đó, không đưa bà T vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

[3] Công ty yêu cầu ông H thanh toán số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng dịch vụ bảo vệ năm 2018 được chốt nợ tính đến ngày 30/4/2018 là 10.080.000đ. Mặc dù ông H vắng mặt tại các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử nhưng đã trình bày ý kiến tại bản tự khai thừa nhận trách nhiệm thanh toán và số tiền phải thanh toán cho Công ty là 10.080.000đ đúng như yêu cầu khởi kiện của Công ty, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông H phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ Long H 10.080.000đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Nguyễn Bảo H phải chịu theo quy định. Nguyên đơn không phải nộp án phí là đúng quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 280, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 26, 147, 207, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Bảo H phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ Long H số tiền 10.080.000đ (*Mười triệu không trăm tám mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ Long H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Bảo H không thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 504.000đ (*Năm trăm lẻ bốn ngàn đồng*) ông Nguyễn Bảo H phải nộp (*chưa nộp*). Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ Long H không phải nộp án phí, ngày 13/6/2019 Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ Long H đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), tại biên lai số 0000285, được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Phan Thi Thu